

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2024

V/v: “*Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Trung Hậu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Vũ

2. Ông Phạm Hồng Lưu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Giai Thoại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 313/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thu Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông Tô Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phân trình bày của nguyên đơn bà Trương Thu Đ theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng như sau:

Bà Trương Thu Đ và ông Tô Văn T do có quen biết từ trước nên cả hai đã sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2008. Trong thời gian chung sống, cả hai có một người con chung tên Tô Khánh B (nữ), sinh ngày 16/8/2012. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì cả hai có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cả hai không còn tình cảm với nhau. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T.

Về con chung: Bà và ông T có một người con chung là Tô Khánh B (nữ), sinh ngày 16/8/2012. Bà Đ yêu cầu quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ và yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T. Bà Đ xin được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thu Đ và ông Tô Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng” thuộc Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Tô Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Tô Văn T vắng mặt không rõ lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thu Đ, nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà không cùng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn được. Thời điểm phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vào thời gian gần đây dẫn đến hai vợ chồng không còn sống chung với nhau. Xét mối quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phải tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ, ông T, Tòa án chỉ giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung giữa các đương sự.

Về con chung: Bà Đ, ông T có con chung là Tô Khánh B (nữ), sinh ngày 16/8/2012. Bà Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T

cấp dưỡng nuôi con. Xét con chung cháu B hiện tại đang sinh sống cùng bà Đ, từ khi cháu sinh ra do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu B đang ổn định. Hơn nữa tại tờ tự khai của cháu Tô Khánh B ghi có nguyện vọng sinh sống cùng mẹ là bà Trương Thu Đ. Để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh trường hợp xáo trộn môi trường sống, Hội đồng xét xử xét thấy, cần tiếp tục giao cháu B cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bị đơn ông T được quyền thăm nom, giáo dục con chung và không ai được quyền cản trở bị đơn thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn xác định hiện tại không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 14, Điều 15, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thu Đ đối với bị đơn ông Tô Văn T.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thu Đ đối với bị đơn ông Tô Văn T.

Về con chung: Giao con chung Tô Khánh B (nữ), sinh ngày 16/8/2012 cho bà Trương Thu Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông T không ai được quyền ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Tách ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu và có đủ cơ sở chứng minh.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trương Thu Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo

Biên lai thu số 0008090 ngày 17/6/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí. Bà Đ đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát ND H. Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS H. Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Võ Trung Hậu